

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 16/07/2026

Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Phương.

2. Ông Trần Văn Nghi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2026/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 2 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 06 năm 2026 và **quyết định hoãn phiên tòa số 21/2026/QĐST – HNGĐ ngày 07 tháng 07 năm 2026 giữa các đương sự:**

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1992; Căn cước công dân số: 0370920138xx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/08/2021; Địa chỉ: Xóm C N, xã Q, tỉnh Ninh Bình. Nay là thôn N, xã Q, tỉnh Ninh Bình. Nơi làm việc: Công ty M, địa chỉ: Xóm A Đ, xã Q, tỉnh Ninh Bình. Nay là thôn Đ, xã Q, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Chị Phạm Thị N, sinh năm 1995; CCCD số: 0371950038xx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 31/7/2023; Địa chỉ: Xóm E Đ, xã Q, tỉnh Ninh Bình. Nay là S, xã Q, tỉnh Ninh Bình. Nơi làm việc: Công ty M – Tổ may 11, địa chỉ: Xóm A Đ, xã Q, tỉnh Ninh Bình. Nay là thôn Đ, xã Q, tỉnh Ninh Bình.

Anh C, chị N vắng mặt tại phiên tòa. Anh C có đơn xin xét xử vắng mặt, chị N vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và giải các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà nguyên đơn là anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh và chị Phạm Thị N sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình cũ nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và điều kiện công việc làm ăn của hai vợ chồng, do anh chị làm cùng công ty nên khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đã được anh em công ty phân tích động viên hoà giải hai vợ chồng nhưng không có kết quả. Thực tế anh chị đã sống ly thân nhau bốn năm nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C đề nghị Toà án giải quyết cho anh ly hôn với cô N.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con là cháu Nguyễn Bảo N1 sinh ngày 02/5/2019 và cháu Nguyễn Minh D sinh ngày 03/11/2020. Từ khi ly thân cháu D mới có 6 tháng tuổi đã do anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hiện nay cháu D đang do anh chăm sóc nuôi dưỡng và cháu N1 đang ở cùng chị N do vậy nay ly hôn anh đề nghị Toà án giao cháu Nguyễn Minh D cho anh tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Bảo N1 cho cô N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung, riêng và công nợ chung, riêng: Anh và chị N không có tài sản chung, riêng và không có công nợ chung, riêng. Nay ly hôn anh không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công nợ riêng.

Trong bản tự khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải và tại phiên toà bị đơn là chị Phạm Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C có đăng ký hôn tự nguyện vào ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình cũ. Nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống. Trong gia đình anh C là người chồng gia trưởng, vũ phu không tôn trọng chị không có trách nhiệm với gia đình vợ con. Về vấn đề kinh tế anh C đi làm có thu nhập nhưng không đưa tiền về cho chị N chăm lo trang trải cho cuộc sống gia đình, con cái. Đối với chị N vì xác định mình là phụ nữ nên chị vẫn cố gắng vượt qua mọi vấn đề khó khăn trong cuộc sống để sống chung với anh C. Khoảng 3-4 năm nay anh chị không chung sống với nhau chị N về nhà mẹ đẻ ở, còn anh C ở nhà bố mẹ đẻ anh C, về phía chị N bản thân chị vẫn mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhưng thời gian gần đây khoảng 1 năm anh có quan hệ bất chính với người khác mặc dù chị không có bằng chứng nhưng chị

xác định có việc anh C có quan hệ hôn nhân ngoài xã hội. Chị N không đồng ý ly hôn để các con có bố có mẹ. Trường hợp anh C vẫn cương quyết ly hôn, chị N sẽ đồng ý ly hôn với điều kiện chị được nuôi cả hai con chung của vợ chồng, bản thân chị mong muốn để các con sống với nhau có chị có em, không muốn chia tách các cháu.

Về con chung, con riêng: Chị và anh C có 02 con là cháu Nguyễn Bảo N1 sinh ngày 02/5/2019 và cháu Nguyễn Minh D sinh ngày 03/11/2020. Khi ly hôn chị nhận nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị.

Về tài sản chung (riêng) công nợ chung (riêng): Chị và anh C có tài sản chung nhưng chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Cần thiết chị sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Anh chị không có tài sản riêng và công nợ chung, riêng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công nợ riêng.

Con chung của anh C, chị N cháu Nguyễn Bảo N1 sinh ngày 02/5/2019 tại biên bản ghi ý kiến của con nguyện vọng cháu N1 muốn ở cùng chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn C ly hôn chị Phạm Thị N

- **Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Minh D cho anh C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Bảo N1 cho chị N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung

- **Án phí:** Anh Nguyễn Văn C nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Nguyễn Văn C có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn với chị Phạm Thị N có nơi cư trú tại: xóm E Đ, xã Q, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn anh Nguyễn Văn C và vắng mặt bị đơn chị Phạm Thị N. Anh có đơn xin xét xử vắng mặt, chị N vắng mặt lần 2 không có lý do. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị N đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình cũ nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn anh C cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm lối sống, chị N cho rằng việc vợ chồng mâu thuẫn do anh C là người chồng gia trưởng, vũ phu không tôn trọng chị, không có trách nhiệm với gia đình vợ con. Về vấn đề kinh tế anh C đi làm có thu nhập nhưng không đưa tiền để chị chăm lo trang trải cho cuộc sống gia đình, con cái. Cả anh C, chị N đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn đã có thời gian dài sống ly thân nhiều năm nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, cả hai cũng không cố hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị N chỉ đồng ý ly hôn khi anh C giao cả hai con chung cho chị chăm sóc nuôi dưỡng.

Biên bản xác minh tại ủy ban nhân dân xã Q thể hiện: anh C và chị N đăng ký kết hôn tự nguyện tại vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Ninh Bình. Quá trình sinh sống tại địa phương anh C, chị N đã phát sinh mâu thuẫn, qua nắm bắt tại cơ sở việc anh chị mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, chính quyền cơ sở không tổ chức hội nghị hoà giải tuy nhiên anh chị mâu thuẫn và sống ly thân 4 năm nay. Chị N chuyển về nhà mẹ đẻ chị N tại xóm A Đ để sinh sống và không về chung sống cùng anh C. Về con chung của vợ chồng anh C và chị N có hai con chung cháu Nguyễn Bảo N1 sinh ngày 02/5/2019 và cháu Nguyễn Minh D sinh ngày 03/11/2020. Khi chị N về mẹ đẻ làm ăn sinh sống chị N đã đưa cháu N1 đi cùng, cháu D đang do anh C chăm sóc nuôi dưỡng. Nay anh C có đơn xin ly hôn chị N. Ủy ban nhân dân xã Q đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tài liệu do anh C cung cấp: Tại đơn trình báo về việc ly thân có xác nhận của Công ty nơi anh C, chị N làm việc thể hiện anh chị mâu thuẫn và đã có thời gian sống ly thân độc lập và không liên quan đến nhau về cuộc sống, kinh tế,

công việc của hai bên. Đơn của anh C có xác nhận của Công ty nơi anh chị làm việc.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành hoà giải nhiều lần đồng thời phân tích, động viên anh C, chị N tìm ra nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đồng thời tạo cơ hội cho anh chị khắc phục những mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng, tuy nhiên tại các phiên hoà giải anh C, chị N không thể hiện thái độ thiện trí trong việc hoà giải các vấn đề mâu thuẫn trong vụ án, tại các phiên hoà giải cả hai anh chị tập trung kể những thói xấu, những nhược điểm của nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng thẳng hơn. Việc hoà giải nhiều lần tại Toà án không đem lại kết quả gì.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị N đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, cả hai không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh chị đã có thời gian dài sống ly thân nhau và không có cuộc sống chung giữa vợ và chồng. Như vậy quan hệ hôn nhân của anh C chị N chỉ tồn bằng hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung, con riêng: Anh C và chị N có hai con chung là cháu Nguyễn Bảo N1 sinh ngày 02/5/2019 và cháu Nguyễn Minh D sinh ngày 03/11/2020. Thời gian vợ chồng sống ly thân cháu N1 ở cùng chị N, cháu D ở cùng anh C. Trong quá trình giải quyết vụ án anh C đề nghị Toà án giao cho anh tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu D và giao chị N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu N1. Các bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung. Chị N đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung

Xét điều kiện nuôi dưỡng con khi vợ chồng ly hôn: Tài liệu do anh C cung cấp bảng xác nhận lương thể hiện mức thu nhập từ Lương của anh C giao động trong biên độ là 9 triệu đồng/ tháng đến 14 triệu đồng/ tháng. Tài liệu do chị N cung cấp bảng xác nhận lương thể hiện mức thu nhập từ lương của chị N là giao động trong biên độ là 7 triệu đồng/tháng đến 8 triệu đồng/ tháng. Như vậy xét về mức thu nhập điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con của các bên là ngang nhau. Thực tế sau khi anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, cháu D do anh C chăm sóc nuôi dưỡng, cháu N1 do chị N chăm sóc nuôi dưỡng và cả hai bên cũng đã đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu. Nay để không làm ảnh hưởng đến môi trường sống cũng như tâm sinh lý, tình cảm của các cháu khi bố mẹ ly hôn. Nên giữ nguyên việc các bên nuôi dưỡng các con chung như hiện tại. Giao cháu Nguyễn Minh D cho anh C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Bảo N1 cho chị N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, hai bên không có nghĩa vụ cấp

dưỡng đối với các con chung là phù hợp với các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình và đồng thời cũng phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự khi ly hôn.

Con riêng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, riêng và công nợ chung, riêng: anh C và chị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Nguyễn Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị N. (Quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị N chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về con chung, con riêng: Giao cháu Nguyễn Minh D sinh ngày 03/11/2020 cho anh Nguyễn Văn C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Bảo N1 sinh ngày 02/5/2019 cho chị N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các con thành niên đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Con riêng không có không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

3. Về tài sản chung (riêng), công nợ chung (riêng): anh C và chị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000667 ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình.
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Ninh Bình
- UBND xã Quang Thiện
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án,
- văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh